TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Miêng
- Ông Lê Khắc Hiệp

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn Ng, sinh năm: 1991; Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú. Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Trường Th, sinh năm: 1990. Địa chỉ; ấp Th, xã M, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Anh Ng, anh Th có đơn xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án anh Phan Văn Ng trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Thạnh Phú vào ngày 22/12/2015, Quá trình chung sống vợ

chồng có 02 con chung tên Phan Mỹ D, sinh ngày: 26/4/2016 và Phan Thanh T, sinh ngày: 14/01/2019. Vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có 02 khoản nợ vay của nguồn nước sạch là 20.000.000 đồng, hộ cận nghèo 30.000.000 đồng. Yêu cầu chia đôi trả, mỗi người trả 25.000.000 đồng

Ngày 09/7/2024 anh Ng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Tôi thống nhất về điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như anh Ng trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh Ng yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị đồng ý để con chung tên Phan Thành T cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, yêu cầu chia tài sản chung là đất và nhà có giá trị 300.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi chị nhận bằng giá trị là 150.000.000 đồng.

Về nợ chung, chị đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng của số nợ 20.000.000 đồng, không đồng ý chia đôi trả số tiền 30.000.000 đồng vì số nợ này anh Ng vay sau không nhằm mục đích lo cho gia đình.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai Ngân hàng chính sánh huyện Thạnh phú trình bày:

Ngày 22/02/2021, PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú cho ông Phan Văn Ng vay với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 6600000719628545 để xây hố xí và ống nước, thời hạn 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/02/2026, lãi suất 9,0%/năm. Trong thời gian vay, ông Phan Văn Ng không có trả nợ gốc cho ngân hàng. Tính đến ngày 17/06/2024, ông Phan Văn Ng đã thực hiện đóng lãi số tiền 5,833.976 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng), số tiền lãi còn nợ chưa nộp cho ngân hàng là 138.082 đồng (Một trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Ngày 20/11/2023, PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú cho ông Phan Văn Ng vay với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 6600000726920844 để nuôi bò sinh sản, thời hạn 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/11/2028, lãi suất 9,0%/năm, Trong thời gian vay, ông Phan Văn Ng không có trả nợ gốc cho ngân hàng. Tính đến ngày 17/06/2024, ông Phan Văn Ng đã thực hiện đóng lãi số tiền 1.184.745 đồng (Một triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi lãm đồng), số tiền lãi còn nợ chưa nộp cho ngân hàng là 182.268 đồng (Một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

- Yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông Phan Văn Ng và bà Nguyễn Thị Ngọc H trả nợ gốc và lãi cho PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú, số tiền là: 50.320.350 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng), trong đó:

- Số tiến gốc: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Số tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2024 là: 320.350 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng) và số tiền lãi phát sinh đến khi ông Phan Văn Ng và bà Nguyễn Thị Ngọc H trả tất nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Ng. Về hôn nhân: Anh Ng được ly hôn với chị H. Về con chung: Anh Ng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Phan Thanh T, sinh ngày: 14/01/2019, chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ D, sinh ngày: 26/4/2016. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, và nợ chung: Anh Ng và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả 25.000.000 đồng cho Ngân hàng CSXH huyện Thạnh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Anh Phan Văn Ng, anh Trần Trường Th đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về nội dung:

4.1 Về hôn nhân: Anh Phan Văn Ng và chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/9/2014. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh Ng và chị H được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống anhn Ng cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên khổng thể tiếp tục chung sống được, không thể hàn gắn. Quá

trình giải quyết vụ án chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Ng. Vì vậy, hôn nhân của anh Ng và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn Ng là phù hợp. Anh Ng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét.

4.2 Về con chung: Anh Ng và chị H có 02 con chung tên Phan Mỹ D, sinh ngày: 26/4/2016 và Phan Thanh T, sinh ngày: 14/01/2019. Anh Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị H không đồng ý, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng, đồng ý để cháu T cho anh Ng nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Theo biên bản minh tình trạng hôn nhân, thì hiện tại cháu D đang sống với chị H, cháu T đang sống với anh Ng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi nên cần để cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4.3 Về tài sản chung: Chị H cho rằng chị và anh Ng có tài sản chung là đất và nhà và yêu cầu chia tài sản chung nêu trên có giá trị 300.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi bằng giá trị, chị nhận ½ là 150.000.000 đồng.

Tòa án ra thông báo cho chị H có đơn yêu cầu chia tài sản chung, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa chị và anh Phan Văn Ng có tài sản chung là đất và nhà. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo nhưng chị H không làm đơn yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó, lời trình bày của chị H là không có căn cứ nên không được xem xét. Nếu có tranh chấp, chị H có quyền khởi kiện ở 01 vụ án khác để được xem xét, giải quyết.

4.4 Về nợ chung: Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc anh Ng vay số tiền 50.000.000 đồng của PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú để chăn nuôi bò sinh sản là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Theo các tài liệu, chứng cứ của PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú cung cấp thì sổ vay vốn, giấy ủy quyền đứng tên người vay đều có chữ ký, họ và tên của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Do đó, cần buộc chị H, anh Ng có nghĩa vụ chia đôi trả cho PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú số tiền gốc là 50.000.000 đồng, Số tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2024 là: 320.350 đồng và số tiền lãi phát sinh đến khi anh Ng và chị H trả tất nợ cho Ngân hàng.

Cụ thể: Anh Nguyễn có nghĩa vụ trả số tiền 25.160.175 đồng, chị H có nghĩa vụ trả số tiền 25.160.175 đồng. Ngoài ra, anh Ng và chị H còn có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/6/2024 đến khi tất nợ.

[5] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Phan Văn Ng được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do anh Ng, chị H không có yêu cầu.

2. Về con chung: Anh Phan Văn Ng được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thành T, sinh ngày 14/01/2019 và chị H không phải cấp dưỡng do anh Ng không có yêu cầu; Chị H được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Mỹ D, sinh ngày 26/4/2016 và anh Ng không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết, anh Ng, chị H có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Ng trình bày không có, chị H không có lời trình bày về tài sản. Do đó, nếu có tranh chấp anh Ng, chị H có thể khởi kiện ở 01 vụ kiện khác để được xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phan Văn Ng có nghĩa vụ trả cho PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú số tiền 25.160.175 (Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho PGD NHCSXH huyện Thạnh Phú số tiền 25.160.175 (Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, anh Ng và chị H còn có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/6/2024 đến khi tất nợ theo mức lãi suất ghi trong giấy đề nghị vay vốn ngày 08/02/2021, ngày 06/11/2023.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn Ng phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003633 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.516.000 (Hai triệu năm trăm mười sáu nghìn) đồng, anh Phan Văn Ng có nghĩa vụ nộp 1.258.000 (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ nộp 1.258.000 (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã A, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí